

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2022/HC-PT

Ngày: 05 - 8 - 2022

V/v “Kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Nguyễn Tấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thạnh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 19/2022/TLPT-HC ngày 09
tháng 02 năm 2022 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2021/HC-ST ngày 20/12/2021 của Tòa
án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
1935/2022/QĐ-PT ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1953; địa chỉ: 93/63 N, phường T, thành
phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

1.2. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1972; địa chỉ: 93/67 N, phường T, thành
phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

1.3. Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1973; địa chỉ: 93/65 N, phường T, thành phố
B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện: Ông Nguyễn Huy
H; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Thanh K và Luật sư Lê Xuân Anh P - Chi nhánh Công ty Luật TNHH X; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt;

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H - Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Phạm Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt;

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trình bày của những người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện thể hiện:

Ông Nguyễn Đức P là chủ sử dụng thửa đất số 72A, tờ bản đồ số 4, diện tích 133m²; ông Nguyễn Ngọc C là chủ sử dụng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 4, diện tích 231m² và gia đình ông Lê Hồng Q là chủ sử dụng thửa đất số 73, tờ bản đồ số 4 tại hẻm 93 đường N, phường T, thành phố B. Nguồn gốc của ba thửa đất là do được Nông trường 11 – 3 cấp đất cho cán bộ, công nhân viên làm nhà ở trên cơ sở Quyết định 387/QĐ – UB ngày 07/5/1990 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk và một phần do những người khởi kiện khai phá. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông P, ông C và ông Q đã xây dựng nhà ở kiên cố trên đất từ năm 1992 đến nay và không tranh chấp với ai.

Ngày 21/4/2003 ông Nguyễn Đức P được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và quyền sở hữu nhà ở; trong đó diện tích được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là 69,6m²; diện tích quy hoạch giao thông là 13,4m²; diện tích chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là 50m².

Ngày 23/8/2007 gia đình ông Nguyễn Ngọc C được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ và quyền sở hữu nhà; trong đó diện tích được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là 141m²; diện tích quy hoạch giao thông là 25,3m²; diện tích chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là 64,8m².

Ngày 21/4/2003 ông Lê Hồng Q được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ và quyền sở hữu nhà ở; trong đó diện tích được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở là 67,9m²; diện tích quy hoạch giao thông là 12,7m²; diện tích chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất là 32,3m².

Thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 4, phường T, thành phố B. Tháng 01/2020 UBND thành phố B đã ra T báo thu hồi đất của các hộ ông P, ông C và ông Q, cụ thể như sau:

T hồi của hộ ông P 55,5m² đất; trong đó có 6,9m² đất ở đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất;

T hồi của hộ ông C 79,7m² đất; trong đó có 14,6m² đất ở đã được Nhà nước công nhận QSD đất;

T hồi của hộ ông Q 38,8m² đất; trong đó có 6,5m² đất ở đã được Nhà nước công nhận QSD đất.

Ngày 05/10/2020 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7080/QĐ – UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 4, phường T, thành phố B (Quyết định 7080). Theo đó không bồi thường về phần đất đã thu hồi của các hộ ông P, ông C và ông Q mà chỉ hỗ trợ, bồi thường 80% giá trị tài sản trên đất.

Không đồng ý với việc thu hồi đất của UBND thành phố B, các hộ ông P, ông C và ông Q đã làm đơn khiếu nại. Ngày 25/12/2020 UBND thành phố B ban hành Công văn số 5584/UBND – TTPTQĐ về việc trả lời đơn kiến nghị của các hộ dân tại tổ dân phố 4, phường T với nội dung: Không chấp nhận đơn kiến nghị của hộ ông P, ông C và ông Q với nhiều lý do không hợp pháp.

Vì vậy, để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi. Ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết các nội dung sau:

Hủy một phần Quyết định phê duyệt số 7080/QĐ – UBND ngày 05/10/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q.

Buộc UBND thành phố B lập phương án mới về việc bồi thường về đất và tài sản cho các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q đúng quy định của pháp luật.

2. Tại Bản tự khai ngày 25/6/2021 và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thể hiện:

- Về nguồn gốc đất:

Thửa đất số 74, tờ bản đồ DC-4 (hộ ông Nguyễn Ngọc C); thửa đất số 72A, tờ bản đồ DC-4 (hộ ông Nguyễn Đức P); thửa đất số 73, tờ bản đồ DC-4 (hộ ông Lê Hồng Q) có nguồn gốc là của Nông trường cà phê X giao đất Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê cho ông Nguyễn Công K theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐCN ngày 15/5/1991. Ngày 04/01/2005 Công ty cà phê B ký lại Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê cho hộ ông Nguyễn Công K theo Hợp đồng kinh tế số 337/HĐKT. Ngày 13/6/2005 Công ty Cà phê B ban hành Quyết định số 87/2005/QĐ-CT về việc

thu hồi lô đất Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê của ông Nguyễn Công K. Trong thời gian nhận giao khoán đất liên kết, các hộ dân tại hẻm 93 N lấn chiếm một phần diện tích đất do ông Nguyễn Công K nhận giao khoán để xây dựng nhà (thời điểm xây dựng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004); trong đó: Hộ ông Nguyễn Ngọc C đang sử dụng 79,7m² đất lấn chiếm; ông Nguyễn Đức P đang sử dụng 57,4m² đất lấn chiếm và ông Lê Hồng Q đang sử dụng 38,8m² đất lấn chiếm.

Diện tích thu hồi để thực hiện dự án đối với các hộ cụ thể như sau:

Hộ ông Nguyễn Ngọc C là 79,7m² (theo Trích lục bản đồ địa chính số 20019 TL/VPĐKĐĐ – KTĐC);

Hộ ông Nguyễn Đức P là 57,4m² (theo Trích lục bản đồ địa chính số 20021 TL/VPĐKĐĐ – KTĐC);

Hộ ông Lê Hồng Q là 38,8m² (theo Trích lục bản đồ địa chính số 20020 TL/VPĐKĐĐ - KTĐC ngày 13/11/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk).

Diện tích đất bị thu hồi của các hộ trên là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm của Công ty TNHH MTV Cà Phê B quản lý sử dụng nay đã được UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi giao UBND thành phố B quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017.

- Bồi thường về đất: Căn cứ Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 thì diện tích đất lấn chiếm đất nông nghiệp trồng cây lâu năm của Công ty TNHH MTV Cà Phê B do các hộ ông Nguyễn Ngọc C, Nguyễn Đức P và Lê Hồng Q đang sử dụng không được bồi thường về đất.

Điều 82. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất:

Nhà nước thu hồi đất không bồi thường về đất trong các trường hợp sau đây:

- 1. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật này;*
- 2. Đất được Nhà nước giao để quản lý;*
- 3. Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này;*
- 4. Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này.*

- Bồi thường về nhà, vật kiến trúc: Nguyên tắc bồi thường về nhà và vật kiến trúc thực hiện theo quy định tại Điều 88 Luật Đất đai năm 2013;

Khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản có 01 căn nhà vật kiến trúc xây dựng trên diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường về đất và nhà, vật kiến trúc được xây dựng từ sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thì được bồi thường 80% theo đơn giá quy định;

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27/03/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá nhà và vật kiến trúc xây dựng mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với các tài liệu, chứng cứ do các hộ gia đình cung cấp:

Về sơ đồ giao đất cho cán bộ công nhân viên Nông trường cà phê 11-3 làm nhà ở:

Theo sơ đồ giao đất cho cán bộ công nhân viên Nông trường 11-3 để làm nhà ở thì các hộ dân tại vị trí đường hẻm 93 N được giao một thửa đất với diện tích 141,0 m². Hiện trạng đường hẻm 93 N rộng 7,0m, chiều dài thửa đất được giao tính từ lộ giới đường hẻm vào sâu đến cuối thửa đất dài 15,0m và phần diện tích đất tiếp giáp phía sau thửa đất được giao là đất Cà phê Nông trường X (nay là Công ty TNHH MTV Cà phê B) quản lý.

Về Đơn xin xác nhận đề ngày 18/12/2006 của bà Phạm Thị Kim L:

Bà Phạm Thị Kim L trình bày đã sử dụng thửa đất tại địa chỉ 93/55 N từ năm 1990 là không đúng với thời điểm nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Quang S, vì thực tế ông Nguyễn Quang S chuyển nhượng lại toàn bộ 141,0 m² đất được UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho ông Lê T và vợ là bà Phạm Thị Kim L vào năm 1996 (có xác nhận của UBND phường T).

UBND phường T chỉ xác nhận việc bà Phạm Thị Kim L có khẩu tại địa phương và có đơn trình bày trên là đúng chứ không xác nhận toàn bộ nội dung đơn về nguồn gốc và thời điểm sử dụng diện tích đất coi nói và không công nhận diện tích đất trên.

Về các hồ sơ GCNQSDĐ và QSHN do các hộ dân cung cấp:

Sau khi UBND thành phố B ban hành Quyết định 7080/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 về việc phê duyệt phương án, bồi thường, hỗ trợ và chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 4, phường T, thành phố B thì các hộ dân tại hẻm 93 đường N tiếp tục có đơn kiến nghị phản ánh việc Nhà nước thu hồi đất tại Dự án đã ảnh hưởng đến một phần diện tích đất mà hộ dân đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ

Ngày 25/12/2020 UBND thành phố B đã ban hành Công văn số 5584/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn kiến nghị của các hộ dân tại tổ dân phố 4, phường T, thành phố B.

Ngày 01/4/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Công văn số 805/STNMT-ĐĐBĐ&VT về việc trả lời nội dung đề nghị của các hộ dân tại hẻm 93 đường N và đã xác định phần diện tích đất của các hộ (hộ ông

Nguyễn Ngọc C, hộ ông Lại Mạnh C, hộ ông Mai Công H, hộ ông Nguyễn Đức P, hộ bà Trần Thị Ánh T) khi thực hiện dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 4, phường T, thành phố B không ảnh hưởng đến diện tích đất ở đã được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho các hộ.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của hộ ông Nguyễn Ngọc C, hộ ông Nguyễn Đức P và hộ ông Lê Hồng Q.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2021/HC-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206; Điều 358; Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 74; Điều 75; Điều 79; Điều 82; Điều 88; Điều 89 Luật Đất đai 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q.

Hủy một phần Quyết định phê duyệt số 7080/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q.

Buộc UBND thành phố B lập phương án mới về việc bồi thường về đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi đã được cấp GCNQSDĐ và tài sản, vật kiến trúc cho các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q trên phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q về việc yêu cầu bồi thường giá trị về đất đối với diện tích đất bị thu hồi do lấn chiếm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q kháng cáo một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2021/HC-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với nội dung: Yêu cầu bồi thường giá trị về đất đối với diện tích đất bị thu hồi do lấn chiếm không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và ông Lê Hồng Q trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo: Công ty cà phê B không có thẩm quyền thu hồi đất, mà

quyết định này chỉ là văn bản đơn phương chấm dứt Hợp đồng thuê đất giữa Công ty với ông K, nên không thuộc trường hợp điểm a khoản 1 Điều 164 Luật Đất đai như Tòa án sơ thẩm nhận định. Ông C, P, Q lần đất của Nông trường cả phê có xác nhận của UBND phường, vì vậy diện tích đất lần chiếm của ông C, ông P và ông Q thuộc trường hợp được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định 43. Vì vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, ông P và ông Q.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của những người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

Ngày 04 tháng 01 năm 2022 ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 82/2021/HC-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 05/10/2020 của UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7080/QĐ-UBND (Quyết định số 7080/QĐ-UBND) về việc phê duyệt phương án bồi thường đất để xây dựng công trình: Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 4, phường T, thành phố B đối với các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q. Theo Quyết định số 7080/QĐ-UBND thì không bồi thường về đất thu hồi của các hộ ông P, ông C và ông Q mà chỉ hỗ trợ, bồi thường 80% giá trị tài sản trên đất.

Không đồng ý với Quyết định số 7080/QĐ-UBND, các hộ ông P, ông C và ông Q khiếu nại. Ngày 25/12/2020 UBND thành phố B ban hành Công văn số 5584/UBND – TTPTQĐ: Không chấp nhận đơn kiến nghị của hộ ông P, ông C và ông Q. Ngày 17/5/2021 ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q khởi kiện yêu

cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 7080/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND thành phố B và buộc UBND thành phố B lập phương án mới về việc bồi thường về đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi đã được cấp GCNQSDĐ và tài sản, vật kiến trúc cho các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q theo đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, quyết định hành chính nêu trên được ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai là đối tượng khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[3]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q:

[3.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q. Hủy một phần Quyết định số 7080/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q và buộc UBND thành phố B lập phương án mới về việc bồi thường về đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi đã được cấp GCNQSDĐ và tài sản, vật kiến trúc cho các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q trên phần đất đã được cấp GCNQSDĐ theo đúng quy định của pháp luật. Nội dung này ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

[3.2]. Đối với nội dung yêu cầu bồi thường giá trị về đất đối với diện tích đất bị thu hồi do lấn chiếm:

Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q và người đại diện theo ủy quyền trình bày thừa nhận diện tích không được bồi thường là do lấn chiếm. Tuy nhiên các ông C, P, Q cho rằng diện tích đất này hộ gia đình các ông sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 và không có tranh chấp nên đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ và khi thu hồi phải được bồi thường giá trị đất.

Xét thấy:

Ngày 21/4/2003 hộ ông Nguyễn Đức P được UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với diện tích 69,6m² (bị thu hồi 57,4m² theo Trích lục bản đồ địa chính số 20021 TL/VPĐKĐĐ-KTĐC); ngày 23/8/2007 hộ ông Nguyễn Ngọc C được UBND thành phố B cấp GCNQSDĐ với diện tích 141m² (bị thu hồi 79,7m² theo Trích lục bản đồ địa chính số 20019 TL/VPĐKĐĐ-KTĐC); năm 2018 vợ chồng ông Lê Hồng Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn Cư, Phạm Thị Kiều L đối với

67,9m² đã được cấp GCNQSDĐ năm 2003 (bị thu hồi 38,8m² theo Trích lục bản đồ địa chính số 20020 TL/VPĐKĐĐ-KTĐC).

Diện tích đất bị thu hồi nằm trong GCNQSDĐ như đã phân tích tại tiểu mục [3.1] nêu trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét. Còn lại phần diện tích đất ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q lấn chiếm có nguồn gốc là đất do Nông trường cà phê X giao đất Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê cho ông Nguyễn Công K theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐCN ngày 15/5/1991. Ngày 04/01/2005 Công ty cà phê B ký lại Hợp đồng kinh tế liên kết sản xuất cà phê với ông Nguyễn Công K số 337/HĐKT. Ngày 13/6/2005 Công ty cà phê B ban hành Quyết định số 87/2005/QĐ-CT thu hồi lô đất Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với ông Nguyễn Công K với lý do: Ông Nguyễn Công K vi phạm Hợp đồng đã ký kết do tự ý xây dựng nhà kiên cố trên lô đất Hợp đồng liên kết sản xuất cà phê. Như vậy toàn bộ diện tích đất Công ty cà phê B giao liên kết với ông Nguyễn Công K đã bị thu hồi theo Quyết định số 87/2005/QĐ-CT bao gồm cả diện tích đất ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q lấn chiếm. Do đó, diện tích đất ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q lấn chiếm của Công ty cà phê B để xây dựng nhà ở là không được bồi thường giá trị về đất theo Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 181/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ vì sử dụng không đúng mục đích.

[4]. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q là không có căn cứ để chấp nhận. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5]. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q phải chịu theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Ngọc C là người cao tuổi nên được miễn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 206; Điều 358; Điều 359 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 74; Điều 75; Điều 79; Điều 82; Điều 88; Điều 89 Luật Đất đai 2013. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q.

Hủy một phần Quyết định số 7080/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường đối với các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q.

Buộc UBND thành phố B lập phương án mới về việc bồi thường về đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản, vật kiến trúc cho các hộ ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q trên phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc C, ông Nguyễn Đức P và ông Lê Hồng Q về việc yêu cầu bồi thường giá trị về đất đối với diện tích đất bị thu hồi do lấn chiếm.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q phải chịu mỗi người 300.000đ. Được trừ vào số tiền ông Nguyễn Đức P, ông Lê Hồng Q đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0009997 và số 60AA/2021/0009996 cùng ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ông Nguyễn Ngọc C được miễn. Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc C 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0009995 ngày 12/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào Nguyễn Tấn Long

Trần Quốc Cường